TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** -------- **Số: 68/2022/QĐST-DS**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____ ***Chương Mỹ, ngày 10 tháng 6 năm 2022***

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 13; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2022/TLST – DS ngày 09 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần QTVN (gọi tắt là V). Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà ST, số 111A PT, phường BN, quận x, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Tầng M, Tòa nhà Tổng công ty GVN, 37 NQ, quận HK, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn N V1 – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thành C – Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ- Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng bán lẻ (theo giấy ủy quyền số 49313.21 ngày 09/7/2021 của Tổng giám đốc);

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Phạm Thùy L, ông Nguyễn Minh H, ông Bùi Văn L1 (theo Giấy ủy quyền số 014131.22 ngày 25/02/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Chí H1, sinh năm 1972;

2.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974 (vợ ông H1).

Đều ĐKHKTT và cư trú: Xóm Đ, thôn PY, xã TY, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Chí S – sinh năm 1993 (con trai ông H1)

3.2. Chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1993 (con dâu ông H1)

Đều ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm Đ, thôn PY, xã TY huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Chí S ủy quyền cho ông Nguyễn Chí H1 theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 21/4//2022.

Chị Nguyễn Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Chí H1 theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 17/5/2022.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số tiền nợ và nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng số 035/HĐTD1-V058/12 ngày 27/9/2012; Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 035.1/PLHDTD-V058/13 ngày 01/02/2013 và Khế ước nhận nợ số CN035/KƯNN01-V058/12 ngày 01/10/2012:

Ông Nguyễn Chí H1 và bà Nguyễn Thị D xác nhận nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP QTVN số tiền tạm tính đến ngày 27/5/2022 là **746.490.845 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 242.947.180 đồng; lãi trong hạn: 65.600.489 đồng; lãi quá hạn: 437.943.176 đồng.

Kể từ ngày 28/5/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc, vợ chồng ông H1 và bà D còn phải tiếp tục chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã kí kết.

2. Về xử lý tài sản thế chấp khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Trường hợp ông Nguyễn Chí H1 và bà Nguyễn Thị D không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền còn nợ, lãi phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục thi hành án D sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 604, tờ bản đồ số 03, tại Xóm Đ, thôn PY, xã TY, huyện CM, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AO 978930, vào sổ cấp giấy chứng nhận số 01515 do UBND huyện CM, thành phố Hà Nội cấp ngày 23/7/2009 cho ông Nguyễn Chí H1 và bà Nguyễn Thị D để thu hồi nợ.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ thu hồi khoản nợ thì ông H1, bà D có trách nhiệm trả tiếp số tiền còn nợ cho đến khi thanh toán xong.

Ông Nguyễn Chí H1, bà Nguyễn Thị D và những người đang sinh sống trên tài sản đảm bảo tại thời điểm xử lý tài sản đảm bảo (nếu có) có trách nhiệm bàn giao tài sản thế chấp để thi hành án.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Chí H1 có đơn xin giảm án phí do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và đã được chính quyền địa phương xác nhận, nên giảm 8.000.000 đồng tiền

án phí cho ông H1, bà D. Ông H1, bà D tự nguyện chịu phần án phí dân sự sơ thẩm còn lại là 8.930.000 đồng.

Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP QTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **12.000.000** đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2020/0075714 ngày 03/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Mai